

PHỤ LỤC
DANH MỤC VÀ NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH
VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	Khoanh định, công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ	Địa chất và khoáng sản	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1) Điều 27 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (2) Điều 17 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ
2	Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	(1) Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (2) Điều 12, 13 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (3) Điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
3	Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1) Điều 100 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (2) Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ
4	Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	(1) Điều 52 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (2) Điều 48 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	(1) Điều 66 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (2) Điều 71, 72 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
				(4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	(1) Điều 71 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (2) Điều 86 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7	Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	(1) Điều 74 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (2) Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8	Lập, phê duyệt, công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Điều 144 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ
9	Xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư	Địa chất và khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	(1) Điều 126 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (2) Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	6.002649	Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Điều 28 Luật Khoáng sản năm 2010; (2) Điều 23, 24 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
2	6.002650	Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	(1) Điều 78 Luật Khoáng sản năm 2010; (2) Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Khoanh định, công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ trên cơ sở căn cứ vào các tài liệu địa chất, gồm: kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản trong giai đoạn điều tra địa chất về khoáng sản; kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; phần trữ lượng khoáng sản còn lại của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhưng quy mô tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chỉ phù hợp với quy mô phân tán, nhỏ lẻ (quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Địa chất và khoáng sản).

- *Bước 2:* Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định các nội dung có liên quan đến việc chồng lấn với quy hoạch khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, mức độ nghiên cứu, độ tin cậy của tài liệu địa chất, đặc điểm phân bố khoáng sản, quy mô trữ lượng, tài nguyên khoáng sản và các vấn đề khác có liên quan.

- *Bước 3:* Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành nội dung quy định tại Bước 2 nêu trên, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ban hành quyết định phê duyệt kết quả khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ. Trường hợp không ban hành quyết định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và nêu rõ lý do.

Đối với những khu vực đã được điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản nhưng chưa có số liệu về tài nguyên dự tính (cấp 333), Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc đánh giá tiềm năng khoáng sản hoặc không đánh giá tiềm năng khoáng sản trước khi khoanh định, công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

- *Bước 4:* Kết quả khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã khoanh định được công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trang thông tin của địa phương nơi khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ, trong đó nêu rõ các thông tin: Địa danh hành chính, toạ độ, diện tích; loại khoáng sản; đặc điểm phân bố khoáng sản và quy mô tài nguyên, trữ lượng của khoáng sản;

- Bản đồ khu vực đề nghị khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ được lập ở tỷ lệ 1:10.000, 1:5.000;

- Các văn bản liên quan đến khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản.

d) Thời hạn giải quyết: 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (không bao gồm thời gian công bố kết quả khoáng định).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kết quả khoáng định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

2. Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Lập hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi lấy ý kiến các Bộ: Quốc phòng; Công an; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Dân tộc và Tôn giáo; Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Công Thương; Tài chính về kết quả khoáng định, khoáng định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Bước 2: Hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về kết quả khoáng định, khoáng định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, cơ quan được lấy ý kiến phải trả lời bằng văn bản về nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của mình. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý với kết quả khoáng định, khoáng định điều chỉnh.

Trong thời hạn 15 ngày, sau khi nhận được ý kiến các cơ quan có liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình theo ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- Bước 3: Phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được gửi đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, phối hợp quản lý).

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ:

(1) Hồ sơ gửi lấy ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Công an, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tài chính; bao gồm:

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan;
- Báo cáo kết quả khoan định, khoan định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản gồm các nội dung chính như sau:

- + Căn cứ pháp lý và tài liệu làm cơ sở khoan định, khoan định điều chỉnh;
- + Nguyên tắc, phương pháp khoan định, khoan định điều chỉnh;
- + Kết quả khoan định, khoan định điều chỉnh;
- + Tổng hợp danh mục các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mỗi khu vực phải có bảng tọa độ các điểm khép góc theo hệ tọa độ VN-2000, trừ khu vực thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước);

- + Phụ lục chi tiết kèm theo mô tả thông tin của từng khu vực đã khoan định.

- Bản đồ khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được lập trên nền bản đồ địa hình hệ tọa độ VN-2000, tỷ lệ từ 1:50.000 đến 1:25.000. Đối với các khu vực phức tạp về đối tượng cần bảo vệ, tỷ lệ bản đồ phải được thể hiện từ 1:10.000 đến 1:5.000 hoặc tỷ lệ lớn hơn.

(2) Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt bao gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Bảng tổng hợp việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan;

- Báo cáo kết quả khoan định, khoan định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Bản đồ khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian hoàn thiện và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh: 30 ngày, nhận được hồ sơ lấy ý kiến về kết quả khoan định, khoan định điều chỉnh.

- Thời gian phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: các Bộ: Quốc phòng, Công an, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

3. Khoan định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện khoan định khu vực, khoan định điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, tổ chức thực hiện khoan định khu vực, khoan định điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác

khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo các tiêu chí quy định tại Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

- *Bước 2:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cơ quan/người giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

4. Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ*

Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản của Chủ tịch ủy ban nhân cấp tỉnh cấp phép trong các trường hợp: giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; sau 06 tháng, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không tiến hành thăm dò, trừ trường hợp bất khả kháng; khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất, khu vực biển đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về biển, pháp luật về tài nguyên, môi

trường biển và hải đảo và quy định khác của pháp luật có liên quan thực hiện gửi hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản kèm theo các tài liệu chứng minh bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Bước 2: Kiểm tra và thẩm định hồ sơ

+ Trong thời hạn 20 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản gửi tới tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản thông báo về việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản và yêu cầu việc báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp cùng đề xuất, kiến nghị về việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (nếu có);

+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản (trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường được ban hành, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan, thời gian cơ quan được lấy ý kiến xem xét trả lời không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ);

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành các công việc nêu trên (lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản), Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ trình đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng (quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ) kèm theo dự thảo Quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc văn bản trả lời về việc không thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Bước 3. Ra quyết định và thông báo thu hồi:

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản để nộp lại giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

c) Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật hoặc sau 06 tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không tiến hành thăm dò, trừ trường hợp bất khả kháng; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (nếu có);

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

(2) Trường hợp khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

(3) Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất, khu vực biên đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về biển, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và quy định khác của pháp luật có liên quan; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản;
- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (nếu có);
- Bản sao quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp;
- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản: 60 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian xem xét trả lời của cơ quan được lấy ý kiến);
- Thời hạn xem xét việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình thu hồi của Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thời hạn gửi quyết định thu hồi và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 23 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 23 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ

Số:...../QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....***Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;**Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm của**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Thu hồi Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ... (tên cơ quan cấp giấy phép)... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân)..... để thăm dò ... (tên khoáng sản) ... tại xã/phường/thị trấn ..., tỉnh/thành phố ...

Lý do thu hồi:

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực,(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(tên tổ chức, cá nhân)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, (.....)

5. Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ

Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép đối với các trường hợp: giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; khu vực được phép khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất, khu vực biển đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về biển, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và quy định khác của pháp luật có liên quan; tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính ở mức tối đa và có nhiều tình tiết tăng nặng hoặc tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản mà không khắc phục đầy đủ hậu quả theo quyết định xử phạt; thực hiện gửi hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu chứng minh bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Bước 2: Kiểm tra và thẩm định hồ sơ

+ Trong thời hạn 20 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản gửi tới tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản thông báo về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản và yêu cầu việc báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp cùng đề xuất, kiến nghị về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản (trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày văn bản xin ý kiến của cơ quan thẩm định hồ sơ được ban hành, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan; thời gian cơ quan được lấy ý kiến xem xét trả lời không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ);

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành các công việc (lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản),

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ trình đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (quy định tại khoản 1 Điều 72 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ), kèm theo dự thảo Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản hoặc văn bản trả lời về việc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

- Bước 3. Ra quyết định và thông báo thu hồi:

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản để nộp lại giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp; thông báo thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ và các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

c) Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản;
- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);
- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;
- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

(2) Trường hợp khu vực tận thu khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản;
- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

(3) Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định pháp luật về đất đai; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

(4) Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính ở mức tối đa hoặc tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản mà không khắc phục đầy đủ hậu quả theo quyết định xử phạt, thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản: 60 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian xem xét trả lời của cơ quan được lấy ý kiến);

- Thời hạn xem xét việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình thu hồi của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Thời hạn gửi quyết định thu hồi và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 34 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

Mẫu số 34 - Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:...../QĐ-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân)..... để khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

Lý do thu hồi:.....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực,(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm:

1. Thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật¹.

2. Duy trì, bảo vệ và không được tháo dỡ, phá hủy các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản.

¹ Không áp dụng đối với trường hợp chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, phải di chuyển tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản, trừ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường; sau thời hạn này, tài sản còn lại được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

6. Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ

Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép trong các trường hợp: giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; khu vực tận thu khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định pháp luật về đất đai hoặc tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính ở mức tối đa hoặc tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản mà không khắc phục đầy đủ hậu quả theo quyết định xử phạt thực hiện gửi hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản kèm theo các tài liệu chứng minh bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Bước 2: Kiểm tra và thẩm định hồ sơ

+ Trong thời hạn 15 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản gửi tới tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thông báo về việc thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và yêu cầu việc báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác tận thu khoáng sản theo giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp cùng đề xuất, kiến nghị về việc thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (nếu có);

+ Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong thời hạn 15 ngày (kể từ ngày văn bản xin ý kiến của cơ quan thẩm định hồ sơ được ban hành) cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan (thời gian cơ quan được lấy ý kiến xem xét trả lời không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ);

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành các công việc lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng

hợp hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (theo quy định tại khoản 1 Điều 87 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ), kèm theo dự thảo quyết định thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hoặc văn bản trả lời về việc không thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Bước 3: Ra quyết định và thông báo thu hồi:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu khoáng sản để nộp lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp; thông báo thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ và các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

c) Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác tận thu khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

(2) Trường hợp khu vực tận thu khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác tận thu khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

(3) Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định pháp luật về đất đai; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác tận thu khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

(4) Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính ở mức tối đa hoặc tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản mà không khắc phục đầy đủ hậu quả theo quyết định xử phạt, thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác tận thu khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra hồ sơ và xác minh, làm rõ các nội dung liên quan: 35 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ;

- Thời hạn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quyết định việc thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: 07 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ và xác minh, làm rõ các nội dung liên quan;

- Thời hạn quyết định việc thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Thời hạn gửi quyết định thu hồi và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 34 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

Mẫu số 34 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:...../QĐ-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân)..... để khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

Lý do thu hồi:.....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực,(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm:

1. Thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật².

2. Duy trì, bảo vệ và không được tháo dỡ, phá huỷ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản.

² Không áp dụng đối với trường hợp chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, phải di chuyển tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản, trừ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường; sau thời hạn này, tài sản còn lại được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

7. Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

a) Trình tự thực hiện:

(1) Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật hoặc giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, sau 06 tháng kể từ ngày dự án, công trình sử dụng khoáng sản ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc bị thu hồi giấy phép đầu tư hoặc hợp đồng dự án PPP bị chấm dứt theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư mà tổ chức được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị điều chỉnh giấy phép theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 91 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (quy định tại điểm a và d khoản 1 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ), trình tự thực hiện như sau:

- *Bước 1:* Trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được thông báo đối với các trường hợp nêu trên, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xác minh, làm rõ các nội dung không đúng thẩm quyền hoặc trái quy định của pháp luật; tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV theo quy định tại khoản 5 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

- *Bước 2:* Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

- *Bước 3:* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo công khai việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời có văn bản thông báo chấm dứt hiệu lực của giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV bị thu hồi và yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ khoáng sản và các nghĩa vụ khác có liên quan giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV chấm dứt hiệu lực.

(2) Trường hợp khu vực được phép khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan (quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ); trình tự thực hiện như sau:

- *Bước 1:* Trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản hoặc thu hồi toàn bộ diện tích đất hoạt động khoáng sản đối với trường hợp nêu trên, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV theo quy định tại khoản 5 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

- *Bước 2:* Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

- *Bước 3:* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo công khai việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời có văn bản thông báo chấm dứt hiệu lực của giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV bị thu hồi và yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ khoáng sản và các nghĩa vụ khác có liên quan giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV chấm dứt hiệu lực.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

c) Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình hoặc Phiếu trình về lý do, kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan và đề xuất việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Biên bản, tài liệu xác minh, làm rõ các nội dung không đúng thẩm quyền hoặc trái quy định của pháp luật;

(2) Trường hợp khu vực được phép khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình hoặc Phiếu trình về lý do, kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan và đề xuất việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Bản sao quyết định phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

(3) Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để sử dụng

vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan; thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình hoặc Phiếu trình về lý do, kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan và đề xuất việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Bản sao quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(4) Trường hợp đối với giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, sau 06 tháng kể từ ngày dự án, công trình sử dụng khoáng sản ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc bị thu hồi giấy phép đầu tư hoặc hợp đồng dự án PPP bị chấm dứt theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư mà tổ chức được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị điều chỉnh giấy phép theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 91 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; thành phần hồ sơ gồm Tờ trình hoặc Phiếu trình về lý do, kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan và đề xuất việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

d) Thời hạn giải quyết:

(1) Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật hoặc giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, sau 06 tháng kể từ ngày dự án, công trình sử dụng khoáng sản ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc bị thu hồi giấy phép đầu tư hoặc hợp đồng dự án PPP bị chấm dứt theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư mà tổ chức được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị điều chỉnh giấy phép theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 91 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (quy định tại điểm a và d khoản 1 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ):

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ và xác minh, làm rõ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định: 30 ngày, kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được thông báo đối với các trường hợp nêu trên;

- Thời hạn ban hành quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV của cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Thời hạn thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

(2) Trường hợp khu vực được phép khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan (quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ):

- Thời hạn tổng hợp và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định: 20 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản hoặc thu hồi toàn bộ diện tích đất hoạt động khoáng sản đối với trường hợp nêu trên;

- Thời hạn ban hành quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV của cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Thời hạn thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về địa chất khoáng sản; tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 34 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

Mẫu số 34 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**UBND TỈNH (THÀNH
PHỐ).....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân)..... để khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

Lý do thu hồi:.....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực,(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm:

1. Thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật³.

2. Duy trì, bảo vệ và không được tháo dỡ, phá hủy các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, phải di chuyển tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực thực

³ Không áp dụng đối với trường hợp chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản.

hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản, trừ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường; sau thời hạn này, tài sản còn lại được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

8. Lập, phê duyệt, công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- *Bước 2:* Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khoáng sản đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn lập, phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Không quy định;

- Thời hạn công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Chậm nhất 15 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

9. Xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường giao đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở thực hiện nhiệm vụ xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả (đơn vị sự nghiệp này gọi là Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả).

Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả có thể tự thực hiện nhiệm vụ xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả hoặc thuê tổ chức có chức năng, nhiệm vụ về điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản để thực hiện xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả.

- *Bước 2:* Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả thu thập số liệu, tài liệu, khảo sát thực tế, tổ chức hội thảo kỹ thuật và lập, hoàn thiện báo cáo kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- *Bước 3:* Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả lấy ý kiến bằng văn bản của các đơn vị chuyên môn có liên quan cùng cấp; tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý (nếu cần), tổng hợp hồ sơ trình Hội đồng thẩm định để thẩm định báo cáo xác định chi phí phải hoàn trả.

- *Bước 4:* Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả tổ chức họp, thẩm định hồ sơ xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả.

- *Bước 5:* Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kết quả xác định chi phí hoàn trả.

- *Bước 6:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả.

* Việc xác định, thẩm định, phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả được thực hiện đồng thời với quá trình tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản. Trường hợp việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phức tạp, kéo dài, tổ chức, cá nhân được phép thực hiện bảo lãnh ngân hàng hoặc ký quỹ theo số tiền tạm tính do Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định. Tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng được hoàn trả sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành

nghĩa vụ hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả;

- Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả (*Mẫu số 02 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025*);

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả;

- Tờ trình hoặc phiếu trình của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả;

- Dự thảo quyết định phê duyệt báo cáo kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả.

d) Thời hạn giải quyết: Thực hiện đồng thời với quá trình tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường được giao thực hiện nhiệm vụ xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 02 - Phụ lục I: Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí phải hoàn trả (*ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Mẫu số 02 - Phụ lục I

(ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ...)
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
Kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,
chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả
đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc
.....(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

- Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Căn cứ Quyết định số ngày/...../..... của về việc thành lập Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả.

- Hôm nay, ngày tháng năm tại

1. Thành phần tham dự phiên họp

1.1. Hội đồng thẩm định

- Thành viên có mặt:/..... Ủy viên;

- Thành viên vắng mặt:/..... Ủy viên.

1.2. Đơn vị xác định chi phí hoàn trả:....., đại diện gồm:

- Họ và tên:

- Chức vụ:

1.3. Tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản:....., đại diện gồm:

- Họ và tên:

- Chức vụ:

2. Nội dung phiên họp⁴:

.....

3. Kết luận phiên họp:

3.1. Chủ tịch Hội đồng thẩm định công bố kết luận của Hội đồng thẩm định.

3.2. Ý kiến khác của các Ủy viên Hội đồng (nếu có):

.....

3.3. Ý kiến của Đơn vị xác định chi phí hoàn trả (nếu có):

.....

3.4. Ý kiến của tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có):

.....

3.5. Kết quả kiểm phiếu của Ủy viên Hội đồng thẩm định:

- Thông qua:/..... phiếu.

- Thông qua có sửa chữa:/..... phiếu.

- Không thông qua:/..... phiếu.

Biên bản này được lập và thông qua vào ... giờ ... phút... cùng ngày./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
 (Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
 (Ký và ghi rõ họ tên)

⁴ Ghi theo trình tự diễn biến theo thực tế của phiên họp hội đồng

Mẫu số 05 - Phụ lục I

(ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

- Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của(Cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho.....(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép).....;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với mỏ(tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... lập ngày tháng năm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình (Phiếu trình) số/..... ngày tháng năm 20..... về việc trình phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của mỏ(tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,

chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của(tên mỏ khoáng sản) tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép)..... với tổng số tiền là: đồng (số tiền viết bằng chữ).

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản)..... có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền nêu tại Điều 1 của Quyết định này vào Tài khoản số của(Tên đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả) thuộc mở tại Kho bạc nhà nước(Tên Kho bạc nhà nước nơi đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả mở tài khoản)..... theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân (Tên tỉnh (thành phố)).....; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng)(Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả).....;(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản)..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Kho bạc nhà nước khu vực (để phối hợp);
- Lưu: VT, ĐCKS (12).

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)